

Số: 195 /BC-BCT

Hà Nội, ngày 20 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO
Về công tác phòng, chống tham nhũng

Thực hiện Thông tư số 02/2021/TT-TTCP ngày 22 tháng 3 năm 2021 của Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, Bộ Công Thương báo cáo công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Bộ Công Thương như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng (PCTN).

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL), văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng

Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 252/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2022 về ban hành kế hoạch Phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Bộ Công Thương.

b) Việc tổng kết, đánh giá, rà soát và lập danh mục những quy định pháp luật còn thiếu, sơ hở, dễ bị lợi dụng để tham nhũng, qua đó tự mình hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung cho phù hợp

Việc xây dựng, thẩm định và góp ý các VBQPPL tuân thủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 sửa đổi và Thông tư số 08/2021/TT-BCT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về việc xây dựng và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Công Thương.

Triển khai Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, Bộ Công Thương đã tiếp nhận nhiều phản ánh, kiến nghị đối với quy định của pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ qua nhiều kênh thông tin khác nhau, bao gồm:

- Chủ động rà soát: ngày 29 tháng 12 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3004/QĐ-BCT về Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2022 của Bộ Công Thương. Vụ Pháp chế được giao làm đơn vị đầu mối, các đơn vị khác thuộc Bộ có trách nhiệm phối hợp với Vụ Pháp chế thực hiện công tác rà soát, hệ thống hoá VBQPPL liên quan đến lĩnh vực Công

Thương: Rà soát các Luật, Pháp lệnh do Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành, đề xuất xây dựng các VBQPPL trình cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền; Rà soát, hệ thống hoá các VBQPPL do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành trên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia; Rà soát, xây dựng Danh mục VBQPPL hết hiệu lực và công bố theo quy định; Rà soát để phục vụ đề xuất, sửa đổi, bổ sung Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2022; Rà soát để phục vụ đề xuất Chương trình xây dựng VBQPPL năm 2022 của Bộ Công Thương; Rà soát chuyên đề theo yêu cầu của Chính phủ, theo đề nghị của các Bộ, ngành, cơ quan tổ chức có liên quan.

- Ngày 31 tháng 12 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3086/QĐ-BCT về Chương trình xây dựng văn bản pháp luật năm 2022 của Bộ Công Thương. Đến nay Bộ Công Thương đã tham mưu Chính phủ ban hành 01 Nghị định, 01 Quyết định của Thủ tướng; ban hành 32 thông tư, trong đó 29 thông tư trong chương trình, 3 thông tư ngoài chương trình.

- Ngày 28 tháng 01 năm 2022, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 120/QĐ-BCT về Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 của Bộ Công Thương

- Tiếp nhận phản ánh, kiến nghị từ cơ quan, tổ chức: rà soát trên cơ sở tổng hợp, đánh giá các phản ánh, kiến nghị nhận được từ các Bộ, ngành, địa phương.

c) Tổ chức, bộ máy, phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng; tình hình hoạt động của các cơ quan chuyên trách về phòng, chống tham nhũng (nếu có cơ quan, đơn vị chuyên trách)

Đề lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN nhất quán, có hiệu quả, Bộ Công Thương đã chủ động thành lập và thường xuyên kiện toàn Ban Chỉ đạo PCTN (Quyết định số 1850/QĐ-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Công Thương về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo Bộ Công Thương về phòng, chống tham nhũng, Quyết định số 1851/QĐ-BCT ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Bộ Công Thương ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Bộ Công Thương về phòng, chống tham nhũng). Ban Chỉ đạo về PCTN Bộ Công Thương do đồng chí Bí thư Ban cán sự Đảng, Bộ trưởng làm Trưởng ban và 1 đồng chí Thứ trưởng làm Phó Trưởng ban, Chánh Thanh tra Bộ làm Ủy viên thường trực, các Ủy viên khác gồm: Chánh Văn phòng Ban cán sự Đảng, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính và Đổi mới doanh nghiệp, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chủ tịch Công đoàn Công Thương Việt Nam. Ban Chỉ đạo PCTN Bộ Công Thương chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của BCSD Bộ Công Thương trong việc chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ về tổ chức triển khai thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo quy định.

PCTN là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động ngành Công Thương. Tổ chức đầu mối tham mưu PCTN của Bộ và các đơn vị thuộc Bộ với thành phần tham gia gồm đại diện thanh tra, tổ chức cán bộ, tài chính kế toán, cấp ủy Đảng, Công

đoàn.... Tổng số đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN gồm hàng trăm người. Trong đó, trừ số công chức Thanh tra Bộ, còn lại chủ yếu là kiêm nhiệm.

d) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Bộ Công Thương tiếp tục tổ chức, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai Kế hoạch công tác phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2021 của Bộ Công Thương (ban hành theo Quyết định số 2851/QĐ-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2021), thực hiện tuyên truyền, quán triệt, phổ biến các chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong các cuộc học nghị quyết, sinh hoạt đảng, nghe nói chuyện chuyên đề, họp tổng kết, sơ kết, giao ban v.v... Căn cứ các Chương trình, Kế hoạch về CCHC của Đảng và Nhà nước, yêu cầu đặt ra, Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành kế hoạch Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, ngày 20 tháng 9 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký ban hành Quyết định số 2169/QĐ-BCT ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Bộ Công Thương giai đoạn 2021-2030.

Căn cứ các nhiệm vụ được giao tại các giai đoạn phù hợp với tình hình thực tế tại Bộ Công Thương năm 2022, ngày 28 tháng 12 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 2988/QĐ-BCT ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) năm 2022 với nhiều nhiệm vụ cụ thể; đồng thời, thực hiện phân giao cho từng đơn vị thuộc Bộ chủ trì thực hiện.

Thường trực đầu mối về CCHC của Bộ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các Chương trình, Kế hoạch về CCHC của Bộ tại các đơn vị liên quan. Tính đến thời điểm báo cáo, các nhiệm vụ thuộc các Chương trình, Kế hoạch về CCHC của Bộ Công Thương năm 2022 đang được các đơn vị thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng đề ra; Ban hành Kế hoạch truyền thông năm 2022 của Bộ Công Thương (Quyết định số 273/QĐ-BCT ngày 03 tháng 03 năm 2022).

Ngoài ra, công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật còn được Bộ Công Thương thường xuyên lồng ghép thực hiện dưới nhiều hình thức khác, như: Thực hiện phối hợp công tác giữa Bộ Công Thương và các đơn vị truyền thông; tổ chức đăng tải nội dung các VBQPPL lên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công Thương; đăng tải các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương để xin ý kiến rộng rãi các đối tượng chịu sự điều chỉnh, tác động của văn bản; tổ chức cung cấp thông tin về văn bản sau ban hành; cập nhật các VBQPPL mới ban hành lên hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật và hệ thống Tổng mục lục VBQPPL ngành Công Thương, v.v.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước được Bộ Công Thương thực hiện thường xuyên, đa dạng, dưới nhiều hình thức mang lại hiệu quả cao. Theo đó, công tác PCTN đã được chú trọng tổ chức, chỉ đạo thực hiện, tăng cường tuyên truyền, quán triệt, phổ biến, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Bộ Công Thương tiếp tục rà soát để cắt giảm, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh và cải cách công tác kiểm tra chuyên ngành tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp và người dân (Chỉ thị số 03/CT-BCT ngày 17 tháng 01 năm 2020). Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định 470/QĐ-BCT ngày 12 tháng 02 năm 2020 về Kế hoạch tổng kết thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 – 2020 và định hướng giai đoạn 2022 – 2030 của Bộ Công Thương. Theo đó, Bộ đã lập kế hoạch cụ thể, chi tiết các hoạt động tổng kết chương trình CCHC, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị thuộc Bộ xây dựng các báo cáo chuyên đề, tổng hợp báo cáo tổng kết để gửi Ban chỉ đạo theo đúng yêu cầu về nội dung và tiến độ. Bộ Công Thương đã ban hành Quyết định số 3231/QĐ-BCT ngày 09 tháng 12 năm 2020 về việc ban hành Kế hoạch rà soát đơn giản hóa quy định, thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương năm 2021 thuộc phạm vi chức năng quản lý Bộ, tiếp tục Kế hoạch cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương năm 2021 (Quyết định số 1067/QĐ-BCT ngày 22 tháng 6 năm 2021).

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành kế hoạch Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, ngày 20 tháng 9 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký ban hành Quyết định số 2169/QĐ-BCT ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính của Bộ Công Thương giai đoạn 2021-2030.

Căn cứ các nhiệm vụ được giao tại các giai đoạn phù hợp với tình hình thực tế tại Bộ Công Thương, ngày 28 tháng 12 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Công Thương đã ký Quyết định số 2988/QĐ-BCT ban hành Kế hoạch CCHC năm 2022 với nhiều nhiệm vụ cụ thể; đồng thời, thực hiện phân giao cho từng đơn vị thuộc Bộ chủ trì thực hiện.

Thường trực đầu mối về CCHC của Bộ thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thực hiện các Chương trình, Kế hoạch về CCHC của Bộ tại các đơn vị liên quan. Tính đến thời điểm báo cáo, các nhiệm vụ thuộc các Chương trình, Kế hoạch về CCHC của Bộ Công Thương năm 2022 đang được các đơn vị thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng đề ra.

Đến thời điểm này, tất cả 302 thủ tục hành chính cấp Trung ương thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương đã được triển khai dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) mức độ 2 trở lên; Hiện nay, Cổng Dịch vụ công (Cổng DVC) Bộ Công Thương đang cung cấp 236 DVCTT mức độ 3, 4 tại địa chỉ <https://dichvucong.moit.gov.vn> (08 DVCTT mức độ 3, 228 DVCTT mức độ 4) với hơn 44,000 doanh nghiệp tham gia khai báo. Tổng số hồ sơ dịch vụ công trực tuyến trong năm 2022 là 1.7 triệu bộ hồ sơ, tương ứng hơn 99% tổng số hồ sơ được gửi đến Bộ.

Đến nay, Bộ Công Thương cũng đã hoàn thành mục tiêu cung cấp 100% dịch vụ công đủ điều kiện lên trực tuyến mức độ 4 trước thời hạn đề ra (trong năm 2021).

Từ ngày 01 tháng 12 năm 2021, Bộ Công Thương triển khai việc in thẳng C/O mẫu D điện tử thành file PDF có mã phản hồi nhanh QRCode trên hệ thống eCoSys. C/O mẫu D là mẫu C/O đầu tiên trong 10 mẫu C/O dự kiến sẽ được triển khai điện tử trong giai đoạn này. Việc triển khai thể hiện cam kết của Bộ Công Thương trong việc hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp trong tình hình dịch bệnh diễn ra phức tạp như hiện nay.

Bộ Công Thương hiện đã kết nối 16 nhóm DVCTT với Cơ chế một cửa quốc gia (VNSW). Tổng số hồ sơ thực hiện trên VNSW trong năm 2022 là 317.682 hồ sơ. Riêng đối với thủ tục Cấp giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D, Bộ Công Thương đã phối hợp với Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan), kết nối thành công với Cơ chế một cửa ASEAN (ASW) và đã trao đổi Giấy chứng nhận xuất xứ mẫu D điện tử với 9 nước bao gồm: Indonesia, Thái Lan, Singapore, Malaysia và Bruinei, Campuchia, Lào, Myanmar, Philippine. Trong năm 2022, tổng số hồ sơ điện tử đã trao đổi với các nước là 233.075 hồ sơ. Đây là chứng từ điện tử đầu tiên của Việt Nam được gửi ra nước ngoài, tạo tiền đề, đòn bẩy để Việt Nam tiếp tục trao đổi, xử lý trực tuyến các chứng từ thương mại khác dưới dạng điện tử khác với các nước, khối - cộng đồng kinh tế theo các thỏa thuận và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Năm 2022, Bộ Công Thương tiếp tục trao đổi, xử lý trực tuyến các chứng từ thương mại khác dưới dạng điện tử khác với các nước, khối - cộng đồng kinh tế theo các thỏa thuận và cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bộ Công Thương luôn thực hiện đổi mới công nghệ quản lý. Hệ thống văn bản điện tử Bộ Công Thương (phần mềm iMOIT phiên bản 2.0) được đưa vào sử dụng thay thế cho Hệ thống quản lý công văn cũ. Hệ thống văn bản điện tử Bộ Công Thương mới đã kết nối, liên thông với Hệ thống Quản lý văn bản của Văn phòng Chính phủ cũng như liên thông văn bản giữa các đơn vị trong và ngoài Bộ theo Nghị quyết 36a/NQ-CP.

Từ ngày 24 tháng 6 năm 2019, Bộ Công Thương đã tiếp nhận và sử dụng chính thức Hệ thống e-Cabinet (Hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc của Chính phủ), qua đó thể hiện quyết tâm trong tiến trình cải cách hành chính, là bước đi lớn trong hiện thực hoá Chính phủ phi giấy tờ trong lộ trình xây dựng Chính phủ điện tử.

Bộ Công Thương tiếp tục duy trì thực hiện việc chi trả lương, tiền thưởng qua tài khoản cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo quy định.

Tính đến thời điểm báo cáo, Bộ Công Thương có 13 Tổng cục và Cục; trong đó, đã có 10/13 đơn vị đã công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo

tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015; 03/13 đơn vị hiện áp dụng hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2008, đang xây dựng kế hoạch chuyển đổi sang hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001: 2015.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn

Bộ Công Thương đã ban hành Kế hoạch triển khai công tác kiểm soát tài sản, thu nhập; ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thuộc Bộ triển khai thực hiện, cụ thể là: Văn bản số 7816/BCT-TTB ngày 08 tháng 12 năm 2021 về Kế hoạch thực hiện việc kê khai, công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập hằng năm, bản kê khai tài sản thu nhập bổ sung của công chức, viên chức năm 2021. Quyết định số 169/QĐ-BCT ngày 11 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành kế hoạch xác minh tài sản, thu nhập năm 2022 của Bộ Công Thương; Quyết định số 253/QĐ-BCT ngày 28 tháng 02 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc thành lập tổ lựa chọn người được xác minh tài sản, thu nhập năm 2022 của Bộ Công Thương. Kết quả thực hiện như sau:

Bộ Công Thương đã có 156/156 đơn vị thực hiện việc kê khai tài sản năm 2021, Bộ Công Thương đã giao nhiệm vụ cho đơn vị đầu mối thực hiện công tác tổng hợp.

Thực hiện kế hoạch xác minh, tài sản năm 2022 của Bộ Công Thương, Bộ đã xác định 25 đơn vị sẽ thực hiện công tác xác minh tài sản năm 2022 đảm bảo 20% theo quy định. Ngày 08 tháng 3 năm 2022, Bộ Công Thương đã phối hợp cùng Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam ở Trung ương và Đảng ủy Bộ tiến hành bốc thăm lựa chọn người được xác minh của 25 đơn vị nêu trên.

Đến nay, Bộ Công Thương đang tiến hành xác minh tài sản, thu nhập đối với các đơn vị được lựa chọn năm 2022. Tại thời điểm báo cáo, Bộ Công Thương đã tiến hành xác minh được 82 cá nhân tại 17 đơn vị.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

Tổng số vụ việc, đối tượng tham nhũng được phát hiện; tổng số tiền, tài sản tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra và tự kiểm tra nội bộ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý

Theo báo cáo của các đơn vị thuộc Bộ, các đơn vị thuộc Bộ đang tiếp tục triển khai kế hoạch kiểm tra nội bộ năm 2022. Qua kiểm tra nội bộ chưa phát hiện vụ việc tham nhũng.

b) Kết quả công tác thanh tra, kiểm toán và việc phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng qua hoạt động thanh tra, kiểm toán

Tiếp tục triển khai Kế hoạch thanh tra năm 2022 và thực hiện việc thanh tra đột xuất phù hợp với yêu cầu quản lý của Bộ. Qua thanh tra, chưa phát hiện vụ việc tham nhũng.

c) Kết quả xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng; việc phát hiện, xử lý tham nhũng qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trong kỳ báo cáo, chưa phát hiện tham nhũng qua tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

Năm 2022, Bộ Công Thương đã tiến hành Thanh tra việc chấp hành các quy định của Luật phòng, chống tham nhũng; công tác quản lý, sử dụng vốn; hoạt động sản xuất, kinh doanh; công tác đầu tư, mua sắm, sử dụng tài sản và thực hiện dự án tại Tổng công ty cổ phần Xây dựng Công nghiệp Việt Nam.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

a) Các nội dung đã thực hiện nhằm phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng

Trong năm 2022, các tổ chức đoàn thể tại cơ quan Bộ và các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục phối hợp chặt chẽ và phát huy chức năng giám sát hoạt động quản lý, động viên quần chúng trong công tác phòng, chống tham nhũng.

b) Những kết quả, đóng góp của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, cơ quan báo chí, nhà báo, doanh nghiệp, công dân, ban thanh tra nhân dân và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng, chống tham nhũng

Các tổ chức đoàn thể tại cơ quan Bộ và các đơn vị thuộc Bộ tiếp tục phối hợp chặt chẽ và phát huy chức năng giám sát hoạt động quản lý, động viên quần chúng trong công tác phòng, chống tham nhũng.

6. Hợp tác quốc tế về phòng, chống tham nhũng

Trong kỳ báo cáo, Bộ Công Thương đã thực hiện Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng theo Công văn số 02/BCĐTKCLQG-TTTP ngày 08 tháng 01 năm 2022 của Thanh tra Chính phủ về việc báo cáo Tổng kết Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực hiện Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của Bộ và nguyên nhân

Nhận định tình hình tham nhũng và đánh giá công tác PCTN của Bộ Công Thương (căn cứ các số liệu thống kê được tổng hợp trong kỳ báo cáo) như sau:

- Mức độ phổ biến hành vi tham nhũng: Không phổ biến;

- Trong kỳ báo cáo, công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng của Bộ Công Thương được duy trì. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng được Bộ Công Thương triển khai đồng bộ, thống nhất.

b) So sánh tình hình tham nhũng kỳ này với cùng kỳ năm trước

Tình hình tham nhũng trong năm 2022 không có sự biến động nhiều so với năm 2021.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới (*khả năng tăng, giảm về số vụ việc, số đối tượng, tính chất, mức độ vi phạm...*)

Tình hình tham nhũng, tiêu cực tuy không có đột biến, song vẫn tiềm ẩn nguy cơ.

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi tham nhũng dễ xảy ra nhiều, cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa và phát hiện, xử lý tham nhũng: Quản lý sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đầu tư, xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị, cổ phần hóa, khai thác khoáng sản; công tác tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ; công tác cấp phép hoạt động sản xuất kinh doanh có điều kiện...

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTN trên các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Bộ

Công tác PCTN tiếp tục có chuyển biến tích cực cả về nhận thức, hành động và đạt được kết quả nhất là trong phòng ngừa, công khai, minh bạch hóa, cải cách thủ tục hành chính, quản lý tài sản công. Trên một số lĩnh vực, tham nhũng đã từng bước được kiềm chế.

2. So sánh hiệu quả công tác PCTN kỳ này với cùng kỳ năm trước

Trong năm 2022, công tác PCTN của Bộ Công Thương tiếp tục được triển khai đồng bộ, nghiêm túc. Công tác phòng, chống tham nhũng có sự chuyển biến tích cực, thể hiện rõ sự hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành PCTN của Lãnh đạo Bộ. Qua đó, hiệu quả trong công tác PCTN được nâng cao.

3. Tự đánh giá mức độ mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTN

Công tác PCTN của Bộ Công Thương đã từng bước đạt được những mục tiêu đã đề ra.

4. Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTN

- Về quy định của pháp luật: Hiện nay, một số văn bản pháp luật liên quan đến công tác đấu tranh PCTN còn nhiều bất cập, không thống nhất, gây khó khăn cho việc áp dụng và thực thi có hiệu quả trên thực tế.

- Về chuyên môn nghiệp vụ: Lực lượng cán bộ, công chức thực hiện công tác PCTN chủ yếu còn kiêm nhiệm trong khi đối tượng tham nhũng là những

người có chức vụ, quyền hạn, hiểu biết sâu rộng về pháp luật. Trang thiết bị phục vụ công tác PCTN còn thiếu, chưa đồng bộ. Chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức thực hiện công tác PCTN chưa thực sự tương thích, phù hợp.

- Về công tác phối hợp giữa các cơ quan: Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng chưa chặt chẽ, thiếu tính thống nhất. Cụ thể, chưa có hướng dẫn cụ thể về thẩm quyền thanh tra đối với các Doanh nghiệp thuộc Bộ Công Thương đã chuyển về Ủy ban quản lý vốn Nhà nước (trong khi Bộ Công Thương đang quản lý về ngành đối với các doanh nghiệp).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Tăng cường sự chỉ đạo, lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong công tác PCTN. Tiếp tục đưa nội dung công tác PCTN vào chương trình kế hoạch công tác hàng năm, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trong công tác Đảng, hoạt động của đơn vị.

2. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước về PCTN đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, gắn với tiếp tục đẩy mạnh *“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”*.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các hoạt động của Bộ cũng như các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của Bộ Công Thương, đặc biệt là các vấn đề được dư luận xã hội quan tâm; Chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tăng cường tự kiểm tra nội bộ việc thực hiện các quy định của pháp luật PCTN; Triển khai Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023.

4. Tiếp tục triển khai các giải pháp PCTN, trong đó chú trọng công tác CCHC, đơn giản hóa TTHC cùng với việc chủ động rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ, các quy định quản lý, điều hành nội bộ, các quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, thực hiện chuyển đổi vị trí công tác đối với số vị trí dễ nảy sinh tham nhũng.

5. Kiện toàn bộ máy tổ chức, chú trọng công tác bổ nhiệm cán bộ, công tác thi tuyển, nâng ngạch, nâng bậc đảm bảo theo đúng quy trình, quy định của pháp luật; Tiếp tục đổi phương thức hoạt động và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng quản lý thị trường trên địa bàn cả nước; Tiếp tục rà soát về tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình, thủ tục tuyển dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức các đơn vị thuộc Bộ.

6. Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Bộ về việc thoái vốn, cổ phần hóa, chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp; Tiếp tục rà soát, sắp xếp, sáp nhập các Trường, Tạp chí theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương.

7. Tiếp tục chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan chức năng trong phòng chống dịch Covid-19 (Hoạt động tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; Ổn định thị trường

hàng hóa; Tìm kiếm thị trường; Thúc đẩy sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu; Cung cấp, cập nhật thông tin ...).

8. Chỉ đạo giải quyết những vụ việc về tham nhũng, lãng phí còn tồn đọng hoặc mới phát sinh ở Bộ và tiếp tục thực hiện kiểm điểm đối với tập thể, cá nhân liên quan đến những tồn tại, yếu kém, khuyết điểm, sai phạm tại một số dự án, doanh nghiệp chậm tiến độ, kém hiệu quả thuộc ngành Công Thương, xử lý theo thẩm quyền đối với cán bộ, công chức, viên chức vi phạm.

Trên đây là Báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 của Bộ Công Thương./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TTB.



**TUO. BỘ TRƯỞNG
CHÁNH THANH TRA**

Lê Việt Long



Biểu số: 01/PCTN

TỔNG HỢP KẾT QUẢ VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG
(Quý IV - 2022)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/12/2022

MS	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LIỆU
	CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT		
1	Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	10
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	1
3	Số văn bản được bãi bỏ để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
	TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN		
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	11
5	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	3963
6	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	1
	PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
	<i>Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động</i>		
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	16
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động	CQ, TC, ĐV	
	<i>Xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ</i>		
9	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được ban hành mới	Văn bản	9
10	Số văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ	Văn bản	5
11	Số cuộc thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Cuộc	
12	Số vụ vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Vụ	
13	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ	Người	
14	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hành chính	Người	
15	Số người vi phạm các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã bị xử lý hình sự	Người	
16	Tổng giá trị các vi phạm về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được kiến nghị thu hồi và bồi thường (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
17	Tổng giá trị vi phạm định mức, tiêu chuẩn, chế độ đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	
	<i>Thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn	CQ, TC, ĐV	0
19	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	
20	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	
21	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
22	Số người bị xử lý do có vi phạm vì xung đột lợi ích	Người	
23	Số người bị xử lý do có vi phạm về việc kinh doanh trong thời hạn không được kinh doanh sau khi thôi giữ chức vụ	Người	
	<i>Chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
24	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	141
	<i>Cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt</i>		
25	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng tại Cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	444
26	Số thủ tục hành chính chính công được áp dụng mức độ 3 hoặc 4 tại cơ quan, tổ chức, đơn vị	Thủ tục	259
27	Số thủ tục hành chính yêu cầu người dân, doanh nghiệp bổ sung hồ sơ từ 02 lần trở lên	Lượt thủ tục	



28	Số cuộc kiểm tra, thanh tra việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Cuộc	
29	Số vụ phát hiện vi phạm trong việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt	Vụ	
30	Tổng giá trị giao dịch qua Hệ thống thanh toán điện tử lên ngân hàng (1)	Triệu đồng	
31	Tỷ trọng tiền mặt trên tổng phương tiện thanh toán (2)	%	
	<i>Thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn</i>		
32	Số người đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong kỳ	Người	
33	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	82
34	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập	CQ, TC, ĐV	17
35	Số người bị kỷ luật do vi phạm quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
35.1	Số người bị kỷ luật do kê khai tài sản, thu nhập không trung thực	Người	0
35.2	Số người bị kỷ luật do có vi phạm khác về kiểm soát tài sản, thu nhập	Người	0
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
36	Tổng số vụ việc tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Vụ	
37	Tổng số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện trong kỳ báo cáo	Người	
	<i>Qua công tác kiểm tra và tự kiểm tra của cơ quan, tổ chức, đơn vị</i>		
38	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Vụ	
39	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước	Người	
40	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Vụ	
41	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua công tác tự kiểm tra	Người	
42	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Vụ	
	<i>- Trong đó số vụ tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	vụ	
43	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan có chức năng phòng, chống tham nhũng	Người	
	<i>- Trong đó số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua kiểm tra hoạt động chống tham nhũng trong cơ quan thanh tra</i>	người	
	<i>Qua hoạt động giám sát, thanh tra, kiểm toán</i>		
44	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Vụ	
45	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử và xử lý đề nghị của cơ quan dân cử, đại biểu dân cử	Người	
46	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động thanh tra	Vụ	
47	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua hoạt động thanh tra	Người	
48	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Vụ	
49	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện thông qua hoạt động kiểm toán	Người	
	<i>Qua xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng</i>		
50	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ việc	
51	Số vụ việc có phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng đã được xem xét	Vụ việc	
52	Số vụ tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	Vụ	
53	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện thông qua xem xét nội dung phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng	người	
	<i>Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo</i>		
54	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	
55	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	
	<i>Qua các hoạt động khác (ngoài những hoạt động nêu trên, nếu có)</i>		
56	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua các hoạt động khác	Vụ	
57	Số đối tượng có hành vi tham nhũng phát hiện qua các hoạt động khác	Người	
	<i>Qua điều tra tội phạm</i>		
58	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	
59	Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	
	<i>Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng</i>		
60	Số người tố cáo hành vi tham nhũng được được bảo vệ theo quy định của pháp luật về tố cáo	Người	
61	Số người tố cáo hành vi tham nhũng bị trả thù	Người	
62	Số người đã bị xử lý do có hành vi trả thù người tố cáo	Người	
63	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng	Người	

	XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ KHI ĐỀ XÃY RA THAM NHƯNG		
64	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
65	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm đề xảy ra hành vi tham nhũng	Người	
66	Số người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm đề xảy ra tham nhũng	Người	
66.1	- <i>Khiển trách</i>	Người	
66.2	- <i>Cảnh cáo</i>	Người	
66.3	- <i>Cách chức</i>	Người	
	XỬ LÝ THAM NHƯNG TRONG CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ		
67	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	
68	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thống kê kết quả xét xử sơ thẩm của tòa án; bộ, ngành thống kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp) trong đó:	Người	
68.1	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng</i>	Người	
68.2	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng</i>	Người	
68.3	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng</i>	Người	
68.4	- <i>Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng</i>	Người	
69	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
70	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
71	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
72	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	<i>Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được</i>		
73	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
74	Đất đai	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường</i>		
75	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
75.1	- <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp hành chính</i>	Triệu	
75.2	- <i>Kết quả thu hồi tiền bằng biện pháp tư pháp</i>	Triệu	
76	Đất đai	m ²	
76.1	- <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp hành chính</i>	m ²	
76.2	- <i>Kết quả thu hồi đất bằng biện pháp tư pháp</i>	m ²	
	<i>Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được</i>		
77	Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
78	Đất đai	m ²	
	PHÒNG, CHỐNG THAM NHƯNG TRONG DOANH NGHIỆP, TỔ CHỨC KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC		
79	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) thuộc phạm vi quản lý	Tổ chức	
80	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) được thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về PCTN	Tổ chức	
81	Số công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội (quy định tại Khoản 1 Điều 80 Luật PCTN) bị xử lý do có vi phạm pháp luật về PCTN	Tổ chức	
82	Số vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Vụ	
83	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý được phát hiện	Người	
84	Số đối tượng có hành vi tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý đã bị xử lý hình sự	Người	
85	Thiệt hại gây ra bởi các vụ tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
86	Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng trong khu vực ngoài nhà nước thuộc phạm vi quản lý (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	

TỔNG HỢP CÔNG TÁC XÂY DỰNG LỰC HỢNG THANH TRA (Quý IV)
Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/12/2022

Đơn vị tính: Người

Số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ										Số lượng biến động trong kỳ		Đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ										Vi phạm và kết quả xử lý				
Đơn vị	Trong đó					Số người được chuyển đổi vị trí công tác	Trong đó										Tổng số cá nhân vi phạm	Đã xử lý	Đang và chưa xử lý							
	Tổng số	Số lượng công chức, viên chức, người lao động trong kỳ					Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó																
		Số TTV cao cấp và tương đương	Số TTV chính và tương đương	Số TTV và tương đương	Khác					Thanh tra viên	Thanh tra viên chính		Thanh tra viên cao cấp		Tiếp công dân, KN, TC					Khác						
											Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu	Đã thực hiện	Nhu cầu				Đã thực hiện	Nhu cầu					
MS	1=2+...+5	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26
Thanh tra Bộ	32	2	10	14	6	0	0	0	20	9	1	0	1	0	0	0	2	0	9	9	0	0	0	0	0	0
Tổng	32	2	10	14	6	0	0	0	20	9	1	0	1	0	0	0	2	0	9	9	0	0	0	0	0	0

[illegible]

Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/9/2022

[illegible]

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN (Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/12/2022

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN (Quý IV)																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/12/2022																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
Đơn vị	Tổng số đơn	Kỳ trước chuyển sang				Tiếp nhận trong kỳ			Số đơn đã xử lý	Đủ điều kiện xử lý		Phân loại đơn theo nội dung		Phân loại đơn theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý đơn						Số văn bản phúc đáp nhận được .do chuyển đơn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																						
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Số đơn		Số vụ việc	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn	Số đơn																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																							

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KHIẾU NẠI (Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/12/2022

Đơn vị	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý		Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung					Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý					Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn						
	Đơn có nhiều người đứng tên		Đơn có một người đứng tên		Đơn tiếp nhận trong kỳ		Số đơn		Lĩnh vực hành chính			Lĩnh vực Đảng, tư pháp	Lĩnh vực khác	Đã giải quyết		Đang giải quyết	Chưa giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền			Vụ việc không thuộc thẩm quyền								
	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Tổng	Đơn trước chuyển sang kỳ	Đơn tiếp nhận trong kỳ	Số vụ việc	Chế độ, đãi ngộ, chính sách cửa	Đất đai, nhà cửa	Khác	Lĩnh vực tư pháp	Lĩnh vực Đảng, đoàn thể	Lĩnh vực khác	Lần đầu			Lần 2	Đã có bản án của tòa	Tổng	Lần đầu	Lần 2		Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
MS	2	3	4	5	6 = 7+8	7	8	9	10=11 +15+16	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23=24 +25	24	25	26 = 27+28+29	27	28	29	30
Bộ Công Thương	12			12	12		12	4	3	3						1	3	1				2	2		2	1	1		

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN TỐ CÁO (Quý IV)
Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/12/2022

Đơn vị	Tổng số đơn	Đơn kỳ trước chuyển sang		Đơn tiếp nhận đơn trong kỳ		Đơn đã xử lý		Đủ điều kiện xử lý	Phân loại vụ việc theo nội dung								Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết				Kết quả xử lý						Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn							
		Đơn có nhiều người đứng tên		Đơn khác	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn tiếp nhận trong kỳ		Đơn kỳ trước chuyển sang	Tổng	Lĩnh vực hành chính				Tham nhũng	Lĩnh vực Tư pháp	Lĩnh vực Đảng, vụ đoàn thể	Lĩnh vực khác	Chưa giải quyết, trong hạn	Đang giải quyết	Tố cáo tiếp		Vụ việc thuộc thẩm quyền					Vụ việc không thuộc thẩm quyền						
		Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn khác								Tổng cộng	Chế độ, chính sách	Đất đai, nhà cửa	Công chức, công vụ							Khác	Tổng số lần đầu	Tố cáo cáo lần tiếp	Tổng số lần tiếp	Hướng dẫn	Chuyển đơn		Đơn đốc giải quyết						
MS	1=2+...+7	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=1 3+1 8+...+21= 22+...+25 =26+29	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26 = 27+28	27	28	29=30 +	31+32	30	31	32	33
Bộ Công Thương	60					47	13	60		60	47	47	12							35	0	47				20	20	27	15	10		2		

TỔNG HỢP KẾT QUẢ XỬ LÝ ĐƠN KIẾN NGHỊ, PHẢN ÁNH (Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/12/2022

Đơn vị	Đơn kỳ trước chuyển sang			Đơn tiếp nhận trong kỳ			Đã xử lý trong kỳ			Đủ điều kiện xử lý		Phân loại vụ việc theo nội dung						Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn
	Tổng số đơn			Đơn tiếp nhận trong kỳ			Đơn xử lý trong kỳ			Số đơn	Số vụ việc	Phân loại vụ việc theo nội dung						Phân loại vụ việc theo tình trạng giải quyết			Kết quả xử lý				
	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Đơn có nhiều người đứng tên	Đơn một người đứng tên	Đơn khác	Tổng số	Đơn kỳ trước chuyển sang	Đơn tiếp nhận trong kỳ			Chế độ, chính sách	Đất đai pháp	Tư pháp	Khác	Đã được giải quyết	Đang giải quyết	Chưa được giải quyết	Vụ việc thuộc thẩm quyền	Vụ việc không thuộc thẩm quyền	Tổng số	Chuyển đơn	Đơn đốc giải quyết		
MS	2	3	4	5	6	7	8=9+1 0	9	10	11	12=13 ++ 16=17 ++ 19=20 +21	13	14	15	16	17	18	19	20	21= 22+23	22	23	24		
Bộ Công Thương	95			5	88	2	95		95	93	35		16		14	35		29	6	6					

TỔNG HỢP KẾT QUẢ PHÂN LOẠI, XỬ LÝ ĐƠN QUA TIẾP CÔNG DÂN (Quý IV năm 2022)
Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 15/12/2022

Đơn vị	Tổng số đơn nhận được qua tiếp công dân	Tổng số vụ việc được tiếp	Phân loại theo nội dung						Phân loại theo thẩm quyền				Số văn bản phúc đáp nhận được do chuyển đơn	Ghi chú		
			Khấu nại		Tố cáo		Phản ánh, kiến nghị		Thuộc thẩm quyền	Không thuộc thẩm quyền						
			Số vụ việc		Số đơn		Số vụ việc			Số vụ việc						
										Tổng	Hướng dẫn	Chuyển đơn			Đơn đốc giải quyết	
MS	1=3+5 +7=9 +11	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
BCT	3	2	0	0	3	2	0	2	2	1	0	1	0	0	0	0
Tổng	3	2	0	0	3	2	0	2	2	1	0	1	0	0	0	0

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THANH TRA, KIỂM TRA CHUYỂN NGÀNH (Quý IV)

Số liệu tính từ ngày 15/9/2022 đến ngày 14/12/2022

(Kèm theo báo cáo số 193/BC-BCT ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Bộ Công Thương)

Đơn vị tính: Tiền (triệu đồng)

Đơn vị	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ						Số cuộc đã ban hành kết luận	Số tổ chức được thanh tra, kiểm tra		Số cá nhân được thanh tra, kiểm tra		Số tổ chức, cá nhân vi phạm		Tổng số tiền vi phạm (tiền và tài sản quy thành tiền)		Số tiền kiến nghị thu hồi (tiền và tài sản quy thành tiền)				Số tiền kiến nghị xử lý khác	Quyết định xử phạt hành chính được ban hành			Xử phạt vi phạm hành chính				Chuyển cơ quan điều tra				
	Tổng số	Phân loại				Thanh tra		Kiểm tra	Thanh tra	Kiểm tra	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số	Về NSNN	Về tổ chức, đơn vị	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân		Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Bảng tiền		Bảng hành thức khác						
		Triển khai từ kỳ trước chuyển sang	Triển khai trong kỳ	Thường xuyên	Kế hoạch xuất																			Đặt xuất	Tổng số	Tổ chức	Cá nhân		Tổng số	Tổ chức	Cá nhân	Tổng số
MS	1=2+3=4+5+6	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=13+14	13	14	15=16+17=18+21	16	17	18=19+20	19	20	21	22=23+24	23	24	25=26+27	26	27	28=29+30	29	30	31	32
Tổng cục QLTT	86	20	66	0	86	3	60	76	1	0	0	32	32	0	31.609	31.609	0	21.517	21.517	0	10.09	216	216	0	1497.85	1497.85	0	0	0	0	0	0
Tổng	86	20	66	0	86	0	60	76	1	0	0	32	32	0	32	32	0	22	22	0	10.09	216	216	0	1.498	1.498	0	0	0	0	0	0

